

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TẠO NGUỒN ĐÀO TẠO CÁN BỘ CHO MIỀN NÚI

ThS. ĐẶNG XUÂN CẢNH*

Abstract: Managing the students' learning activities at preparatory schools is necessary in the current period to improve the quality of training at preparatory schools, to meet the requirements to train the staff for the mountainous areas. The measures are proposed in the article to access CIPO consist of building input management system; Managing the process; Ensuring the output qualities; Controlling influence of environment to help student overcome difficulties and get good results in learning.

Keywords: Learning activities, management of learning activities, resource development and training, personnel mountains.

Đào tạo (ĐT) cán bộ cho khu vực miền núi là chủ trương mang tính chiến lược của Đảng và Nhà nước ta. Nâng cao chất lượng học tập cho học sinh (HS) con em đồng bào các dân tộc thiểu số là trách nhiệm của toàn ngành giáo dục nói chung và của các trường dự bị đại học dân tộc (DBĐHDT) nói riêng. Dựa trên cơ sở lý luận về mô hình CIPO và xuất phát từ thực trạng hoạt động học tập (HĐHT) của HS trường DBĐHDT hiện nay, để đáp ứng được yêu cầu tạo nguồn ĐT cán bộ cho miền núi, quản lý (QL) HĐHT của HS trường DBĐHDT cần tập trung vào các nhóm biện pháp sau:

1. Nhóm biện pháp 1: Xây dựng hệ thống QL các yếu tố đầu vào

1.1. Cải tiến công tác tuyển sinh (TS) nâng cao chất lượng xét tuyển đầu vào DBĐHDT

1.1.1. *Xây dựng kế hoạch TS.* Kế hoạch TS là cơ sở để nhà trường cụ thể hóa các văn bản, các hoạt động khác liên quan đến công tác TS. Kế hoạch TS được xây dựng phải phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của nhà trường, phải thể hiện được toàn bộ quá trình thực hiện công tác TS, từ khâu quảng bá TS (các nguồn, kênh TS), hình thức thực hiện, quy trình xét tuyển, tiến độ thực hiện, phân công trách nhiệm cho các đơn vị Phòng, Tổ chuyên môn, các thành viên Hội đồng TS, cho đến giai đoạn công bố kết quả xét tuyển.

1.1.2. *Tổ chức tư vấn và quảng bá công tác tuyển sinh.* Xây dựng kế hoạch phối hợp với các địa phương, các trường trung học phổ thông (THPT), các Sở GD-ĐT, Ủy ban dân tộc các tỉnh trong việc tổ chức tư vấn và thông tin TS, làm cơ sở quan trọng để tiếp cận và mở đường "đón" các đơn vị này tham gia vào hoạt động cung ứng "khách hàng" (người học); đồng thời, tiếp nhận những thông tin phản hồi từ các đơn

vị này về công tác TS để có định hướng điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Quảng bá thông tin TS trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài trung ương và địa phương), trên website của nhà trường.

Thành lập Ban tư vấn và quảng bá thông tin TS trực tiếp đi đến các địa phương, các trường THPT, các Sở GD-ĐT, Ủy ban dân tộc các tỉnh để tư vấn và quảng bá về nhà trường, về công tác TS và tổ chức bồi dưỡng (BD) DBĐHDT. Cách thức thu hút người học đăng kí xét tuyển DBĐHDT nhiều và hiệu quả là sử dụng cán bộ tư vấn hướng nghiệp cho các đối tượng HS năm cuối phổ thông. Nội dung chính cần tư vấn là những ưu đãi và chế độ chính sách trong học tập của HS, kết quả của khóa học, nguyện vọng của HS sau khi học DBĐHDT.

1.1.3. *Đảm bảo quy trình xét tuyển.* Căn cứ các điều kiện xét tuyển vào học DBĐHDT đã được ban hành tại Thông báo TS, các nhà trường cần tổ chức quy trình xét tuyển một cách công bằng, trung thực, khách quan, đúng quy định, đảm bảo chất lượng đầu vào.

1.2. Đổi mới nội dung chương trình BD DBĐHDT theo hướng xây dựng các chủ đề dạy học

1.2.1. *Bổ sung mục tiêu ĐT.* Mục tiêu BD DBĐHDT là củng cố lại hệ thống kiến thức cơ bản của chương trình THPT hiện hành. Trong đó, chú trọng việc ôn tập và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học ở THPT; bổ sung những kiến thức còn thiếu để HS có đủ điều kiện vào học đại học, cao đẳng (ĐH, CĐ). Ngoài việc củng cố nội dung chương trình THPT, nhà trường phải hướng dẫn cho HS hình thành các kỹ năng, năng lực, phương pháp học tập,

* Trưởng Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn

giúp các em tiếp cận với cách học ở bậc ĐH. Mục tiêu ĐT là định hướng quan trọng về mặt lí luận để xây dựng nội dung chương trình. Cần bổ sung vào nội dung chương trình mục tiêu ĐT DBĐH theo hướng tiếp cận với mục tiêu ĐT ở ĐH, đáp ứng yêu cầu tạo nguồn ĐT cán bộ cho miền núi.

1.2.2. Định hướng xây dựng khung chương trình ĐT. Nội dung, cấu trúc chương trình BD DBĐHDT cần được đổi mới theo hướng xuất phát từ những yêu cầu hình thành các năng lực mà lựa chọn nội dung dạy học; ưu tiên những kiến thức cơ bản, hiện đại nhưng gắn kết thiết thực với những đòi hỏi của cuộc sống hằng ngày; ưu tiên thực hành, vận dụng, tránh lí thuyết suông. Tiếp cận theo hướng năng lực đòi hỏi HS làm, vận dụng được gì hơn là HS biết những gì. Chương trình phải được thiết kế thuận lợi cho việc tổ chức quá trình dạy và học bằng các hoạt động của chính người học, tích hợp được các kiến thức, kĩ năng, thái độ và vận dụng tổng hợp thành năng lực người học. Dạy học ở DBĐH yêu cầu phân hóa sâu bằng việc giảm tải các môn ngoại khóa, dành nhiều thời gian cho HS tập trung vào các tổ hợp môn học theo các khối, ngành đã lựa chọn.

1.2.3. Xây dựng các chủ đề dạy học cho môn học. Trên cơ sở định hướng về khung chương trình ĐT trên đây, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên (GV) nghiên cứu nội dung, tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong tổ bộ môn, thống nhất xây dựng các chủ đề dạy học. Việc xây dựng các chủ đề cần đảm bảo được mục tiêu ĐT, phù hợp với điều kiện dạy học và chất lượng đội ngũ GV của nhà trường.

1.2.4. Tổ chức thực hiện dạy học theo chủ đề. Sau khi tổ bộ môn thống nhất xây dựng được các chủ đề của môn học, hiệu trưởng chỉ đạo GV tiến hành dạy thử nghiệm một số chủ đề, tổ chức nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. Hiệu trưởng tạo điều kiện về cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị dạy học (TBDH) để GV thuận lợi trong dạy học theo chủ đề; GV cần chuẩn bị tốt về kiến thức, phương pháp, tâm lí để tiến hành dạy học đạt hiệu quả, hướng dẫn HS chuẩn bị các điều kiện cho việc học tập theo chủ đề như nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu thực tế, kinh nghiệm cá nhân, các đồ dùng học tập...; GV hướng dẫn HS các phương pháp học tập theo chủ đề để HS có hướng tiếp cận kiến thức phù hợp và đạt hiệu quả.

1.3. Nâng cao phẩm chất, năng lực cho đội ngũ GV

1.3.1. Chỉ đạo thực hiện các hoạt động BD định kì, gồm: BD thường xuyên trong hè; BD chuyên đề; BD thực hiện chương trình sách giáo khoa; BD đổi mới phương pháp dạy học (PPDH). Hiệu trưởng cần

chủ động xây dựng kế hoạch BD GV, chọn cử hay yêu cầu toàn thể GV tham gia theo từng nội dung cụ thể. Hỗ trợ, tạo điều kiện để GV tham gia; kiểm tra, đánh giá nghiêm túc quá trình BD nhằm xây dựng được một đội ngũ giảng dạy có chất lượng.

1.3.2. Tổ chức BD tại trường. Nhà trường cần xác định việc BD bằng hình thức tại trường là thường xuyên và chủ yếu, bằng cách tổ chức cập nhật các thông tin, tri thức, kĩ năng mới trong dạy học; tổ chức trao đổi kinh nghiệm, dự giờ rút kinh nghiệm; tổ chức các hội nghị báo cáo chuyên đề, trao đổi, thử nghiệm các phương pháp, phương tiện dạy học, đúc kết kinh nghiệm và đưa vào áp dụng trong nhà trường. Cần BD cho GV về phương pháp, kĩ thuật lấy thông tin phản hồi từ HS để đánh giá quá trình dạy học.

1.3.3. Chỉ đạo quá trình tự học, tự BD của GV. Hiệu trưởng cần tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ kinh phí, khuyến khích GV đi học, tham gia các lớp tập huấn để nâng cao trình độ. Tổ chức cho GV được cùng nhau trao đổi về bài dạy, hướng dẫn cách soạn bài, cách xử lí một tình huống sư phạm, cách sử dụng các phương pháp, phương tiện dạy học. Tổ chức cho GV được giao lưu, học hỏi kinh nghiệm với các trường cùng hệ thống DBĐHDT; tổ chức thi GV giỏi trong hệ thống các trường DBĐHDT để GV có điều kiện thể hiện và trau dồi chuyên môn.

1.4. QL các điều kiện vật chất (chế độ chính sách, tài chính, CSVC, TBDH) đáp ứng yêu cầu dạy học

1.4.1. QL tài chính và chế độ chính sách đúng quy định. Hiệu trưởng thực hiện QL tài chính và các chế độ chính sách đối với GV và HS đúng quy định, đảm bảo điều kiện cơ bản cho hoạt động giảng dạy và học tập tại trường. Tiết kiệm chi, tranh thủ sự ủng hộ của Bộ GD-ĐT và các ban ngành địa phương để đầu tư nguồn lực tài chính cho hoạt động dạy học, mua sắm trang thiết bị, xây dựng CSVC.

1.4.2. QL việc trang bị các TBDH. Hàng năm, hiệu trưởng chủ động xây dựng kế hoạch trang bị TBDH để có phương án huy động nguồn lực tài chính, mua sắm trang thiết bị phục vụ kịp thời hoạt động dạy học. Từng bước đầu tư, trang bị các TBDH hiện đại một cách đồng bộ cả về số lượng và chất lượng theo lộ trình hợp lí, phù hợp với nguồn lực tài chính của nhà trường. Cần xây dựng được phòng học chất lượng cao, phòng học bộ môn theo hướng chuyên môn hóa, đảm bảo dạy học theo chủ đề, đổi mới PPDH. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa việc trang bị các TBDH với cơ chế QL phù hợp, nhằm huy động các nguồn lực của cộng đồng và phát huy nội lực trong nhà trường.

1.4.3. Tổ chức tốt hoạt động tự làm đồ dùng, phương tiện dạy học. Nâng cao nhận thức của GV và

HS về vị trí, vai trò, ý nghĩa của việc tự làm đồ dùng, phương tiện dạy học. Đưa nội dung tự làm đồ dùng, phương tiện dạy học thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm của GV bộ môn. Nhà trường cần có hình thức khen thưởng thỏa đáng, kịp thời đối với những GV thực hiện tốt phong trào này.

2. Nhóm biện pháp 2: QL các yếu tố quá trình đáp ứng yêu cầu tạo nguồn ĐT cán bộ cho miền núi

2.1. QL kế hoạch học tập của HS

2.1.1. QL việc xây dựng kế hoạch học tập. Chỉ đạo GV chủ nhiệm, GV bộ môn trợ giúp HS tự xác định mục tiêu, động cơ học tập. Khi đã xác định được mục tiêu học tập đúng đắn, HS xây dựng kế hoạch phù hợp với mục tiêu đã đề ra. Kế hoạch phải bao gồm các hoạt động cụ thể, thời gian dành cho từng hoạt động; có kế hoạch tổng thể, dài hạn cho cả khóa học, có kế hoạch cho từng môn học, từng học kì. Các hoạt động đoàn thể cũng cần được HS lưu ý khi xây dựng kế hoạch học tập. QL việc xây dựng kế hoạch học tập là điều kiện cần để HS có thể đạt được mục tiêu học tập của mình. Cách làm này đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa cán bộ QL, GV chủ nhiệm, ban chấp hành Đoàn, Hội, nhằm giúp HS cụ thể hóa kế hoạch học tập của mình phù hợp với đặc điểm yêu cầu của từng môn học.

2.1.2. QL việc thực hiện kế hoạch học tập. Xây dựng kế hoạch học tập là tiền đề cơ bản nhưng thực hiện kế hoạch đã xây dựng mới là điều kiện quyết định cho kết quả và chất lượng của HĐHT. Kế hoạch dù hoàn chỉnh đến đâu nhưng nếu thực hiện không nghiêm túc, thiếu tính khoa học thì cũng không thể cho kết quả tốt. Do đó, cán bộ QL, GV chủ nhiệm và các tổ chức đoàn thể cần theo dõi, giám sát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch học tập của HS như: QL nội dung học tập, trang bị cho HS phương pháp học tập khoa học, giúp HS có nhận thức đúng đắn về việc thực hiện kế hoạch học tập.

2.2. Tổ chức tốt các hình thức học tập trong môi trường nội trú

2.2.1. Tổ chức hình thức học tập trên lớp theo tinh thần phát huy năng lực tự học. Trên cơ sở của khung chương trình BD DBĐHDT, GV cần thiết kế nội dung bài giảng theo tinh thần phát huy năng lực tự học cho HS. Điều này đòi hỏi GV cần có sự đổi mới, chuyển trọng tâm từ thiết kế các hoạt động của người dạy sang thiết kế các hoạt động tự học cho người học, tăng cường tổ chức các hoạt động độc lập hoặc theo nhóm bằng các nhiệm vụ học tập cụ thể. Nét nổi bật của bài học theo hướng tổ chức tự học cho HS là hoạt động của các em chiếm tỉ trọng cao so với hoạt động của GV về mặt thời gian cũng như cường độ làm việc.

Sau khi đã chuẩn bị được nội dung bài học, GV lựa chọn phương pháp, phương tiện dạy học để tiến hành tổ chức dạy học theo tinh thần phát huy năng lực tự học. Hoạt động của GV chủ yếu là định hướng, điều khiển để HS chủ động tìm tòi và khám phá, chiêm lĩnh tri thức, hoạt động của HS là nghiên cứu, đọc tài liệu, suy nghĩ, tìm tòi để khám phá kiến thức. Trong quá trình giảng dạy, GV cần thường xuyên kiểm tra, đánh giá HS để có kết quả khách quan về việc dạy học theo tinh thần tự học.

2.2.2. Đa dạng hóa các hình thức học tập ngoài giờ lên lớp. Trong môi trường nội trú, nhà trường có điều kiện thuận lợi để đa dạng hóa các hình thức học tập ngoài giờ lên lớp, như: tổ chức tự học cho HS; các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và tham quan thực tế; các hoạt động đoàn thể; các diễn đàn theo từng chủ đề học tập, các hội thi tìm hiểu về văn hóa dân tộc, các buổi seminar môn học để HS có dịp trao đổi, thảo luận, thể hiện năng lực và sự sáng tạo của mình...

2.3. Tiến hành đồng bộ đổi mới PPDH với đổi mới phương pháp học tập

2.3.1. Nâng cao nhận thức của GV và HS về đổi mới PPDH. Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chức các diễn đàn trao đổi về vai trò của đổi mới PPDH, phân tích chỉ rõ sự cần thiết phải đổi mới cách dạy và cách học để có kết quả học tập cao nhất. Khuyến khích GV mạnh dạn tìm tòi và đổi mới PPDH; hướng dẫn HS lựa chọn cách học phù hợp với năng lực và đặc điểm của từng bộ môn. Giúp GV và HS xác định được các tiêu chí của đổi mới PPDH, đó là: dạy cách học, cách tìm kiếm và vận dụng, cách phát hiện và giải quyết vấn đề; phẩm chất cần phát huy mạnh mẽ là tính chủ động của người học, tinh thần hợp tác và sáng tạo; công cụ cần khai thác triệt để là công nghệ thông tin và đa phương tiện.

2.3.2. Xây dựng kế hoạch đổi mới PPDH. Hiệu trưởng cần đưa hoạt động đổi mới PPDH vào kế hoạch năm học, trong đó, chỉ rõ các bước đi, các biện pháp thực hiện và đảm bảo các nguồn lực để đạt được các mục tiêu đề ra. Kế hoạch đổi mới PPDH cần được xây dựng theo từng học kì. Song song với việc xây dựng kế hoạch, cần tổ chức tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức của GV và HS về sự cần thiết và vai trò, ý nghĩa của đổi mới PPDH đối với việc nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường.

2.3.3. Tổ chức thực hiện đổi mới PPDH đồng thời với đổi mới phương pháp học tập. Chỉ đạo GV đổi mới PPDH phải được tiến hành đồng thời với đổi mới phương pháp học tập của HS. Tránh tình trạng thầy cô đổi mới cách dạy nhưng trò vẫn học theo cách học cũ. Điều này yêu cầu GV phải hướng dẫn và giúp đỡ HS hiểu và vận dụng được các phương pháp học tập phù hợp với PPDH.

2.3.4. Chuẩn bị các điều kiện thực hiện đổi mới PPDH và phương pháp học tập. Hoạt động đổi mới PPDH của GV phải được hỗ trợ về CSVC, TBDH, hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông của nhà trường. Trong quá trình chỉ đạo đổi mới PPDH, cần nghiên cứu để có sự đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn; xây dựng môi trường văn hóa trong nhà trường để việc đóng góp ý kiến của đồng nghiệp và HS được thực hiện với tinh thần xây dựng.

2.4. Cải tiến công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS

2.4.1. Kết hợp nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau. Kết hợp “đánh giá quá trình” với “đánh giá kết quả cuối cùng”. Đánh giá quá trình là đánh giá thường xuyên và liên tục diễn ra trong quá trình giảng dạy của GV và quá trình học tập của HS, gồm kiểm tra đầu tiết học, trong giờ học, sau mỗi bài giảng, mỗi phần, mỗi chương để khích lệ HS học tập, tránh tình trạng HS học tập lơ là, đối phó, chỉ chờ đến kì thi mới học, đồng thời, giúp GV lựa chọn PPDH phù hợp với HS. Đánh giá cuối cùng để so sánh kết quả học tập của HS so với mục tiêu dạy học đề ra, gồm kiểm tra định kì, thi học kì theo Thông tư số 25/2010/TT-BGDĐT ngày 13/10/2010 của Bộ GD-ĐT.

Kết hợp kiểm tra tự luận (giúp GV đánh giá khả năng lập luận, khả năng diễn đạt và biết cách trình bày một vấn đề của HS) với kiểm tra vấn đáp (rèn luyện cho HS khả năng thuyết trình) và kiểm tra trắc nghiệm khách quan (buộc HS phải tư duy, tổng hợp và khái quát kiến thức, khắc phục lối học tủ, học thụ động).

2.4.2. Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo năng lực HS một cách thường xuyên thông qua hệ thống câu hỏi kiểm tra. GV bộ môn phải xây dựng được chuẩn năng lực mà HS cần đạt được đối với môn học và hướng cho HS mục tiêu phần đầu. Căn cứ vào chuẩn năng lực, GV thiết kế các câu hỏi, đánh giá theo dõi quá trình học tập của từng HS, nắm bắt kịp thời các HĐHT của các em để có kế hoạch giảng dạy phù hợp. Để đánh giá đúng kết quả học tập và năng lực của HS, yêu cầu bộ đề kiểm tra, đề thi phải được xây dựng theo định hướng đánh giá năng lực. Hệ thống câu hỏi trong đề kiểm tra và thi phải có sự phân hóa, có câu dễ, câu khó để phân hóa được năng lực từng đối tượng HS. Xây dựng khung đáp án đánh giá theo năng lực và tổ chức chấm bài kiểm tra, bài thi khách quan, trung thực, đúng năng lực HS. Tổng hợp kết quả, phân loại HS theo năng lực, điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp để đạt được chất lượng học tập.

2.4.3. Cải tiến đồng bộ các khâu kiểm tra, đánh giá. Bản thân mỗi GV trong quá trình giảng dạy luôn

luôn phải tự mình điều chỉnh và cải tiến kịp thời hoạt động kiểm tra, đánh giá HS. Sau mỗi lần kiểm tra định kì và thi học kì, nhà trường cần tổ chức đánh giá khách quan công tác kiểm tra và thi trên tất cả các nội dung như: ra đề, làm đáp án, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, phối hợp hình thức tự luận và trắc nghiệm, thang điểm... Trên cơ sở phát huy những điểm tích cực, nhà trường cần có phương án kịp thời cải tiến những điểm bất cập, hạn chế, để công tác kiểm tra, đánh giá được đổi mới đồng bộ, đảm bảo đánh giá đúng năng lực HS.

3. Nhóm biện pháp 3: Đảm bảo chất lượng kết quả đầu ra

3.1. Đảm bảo chất lượng xét tuyển HS vào học ĐH, CĐ, trung cấp chuyên nghiệp (TCCN)

3.1.1. Xây dựng tiêu chí xét tuyển HS vào học ĐH, CĐ, TCCN theo năng lực học tập. Năng lực học tập phải được coi là tiêu chí đầu tiên trong công tác xét phân bổ đầu ra của HS. Năng lực học tập được đánh giá cuối cùng bằng kết quả học tập của mỗi HS, cụ thể là điểm trung bình chung của 4 lần kiểm tra và thi học kì. Thực hiện tốt tiêu chí này mới đảm bảo được chất lượng xét tuyển HS vào học ĐH, CĐ, TCCN.

3.1.2. Thực hiện xét tuyển HS vào học ĐH, CĐ, TCCN khách quan, đúng năng lực học tập. Trước khi tiến hành xét phân bổ HS, nhà trường cần ban hành một số văn bản, đảm bảo cơ sở pháp lí của công tác xét phân bổ đầu ra như: Kế hoạch xét phân bổ HS vào học ĐH, CĐ, TCCN; Quyết định thành lập Hội đồng xét phân bổ HS; Quyết định thành lập Ban thanh tra; Quy trình xét phân bổ HS vào học ĐH, CĐ, TCCN; Tiêu chí xét phân bổ HS vào học ĐH, CĐ, TCCN. Cần đảm bảo tính công khai minh bạch trong xây dựng tiêu chí xét phân bổ đầu ra; đảm bảo tính khách quan, công bằng trong thực hiện xét phân bổ đầu ra. Việc tổ chức xét phân bổ đầu ra phải diễn ra dưới sự giám sát của ban thanh tra TS nhằm tạo sự khách quan, trung thực, công bằng. Tổ chức họp Hội đồng xét phân bổ đầu ra để thống nhất kết quả xét phân bổ HS.

3.1.3. QL kết quả xét tuyển HS vào học ĐH, CĐ, TCCN. Sau khi có kết quả xét phân bổ đầu ra của HS, thực hiện niêm yết tại bảng tin và công khai trên website nhà trường để GV và HS theo dõi, cùng phối hợp tốt trong công tác chuyển HS đi học tại các trường đã được phân; đồng thời, kịp thời nắm bắt những thông tin phản hồi từ GV và HS trong công tác xét phân bổ đầu ra. Tổ chức gửi hồ sơ của HS tới các trường ĐH, CĐ, TCCN mà HS được phân đi học, kết nối với các trường để tiếp nhận HS. Sử dụng phần mềm tin học để phân tích, tổng hợp và lưu trữ kết quả xét phân bổ đầu ra của HS. Kiểm tra, đánh giá, tổng kết toàn bộ quá trình thực hiện công tác xét phân bổ HS, rút ra

những hạn chế, nhược điểm, tìm phương án điều chỉnh để chuẩn bị cho năm học tiếp theo.

3.2. Đảm bảo sự thích ứng của HS khi theo học ĐH, CĐ, TCCN

3.2.1. *Đảm bảo việc trang bị cho HS các kỹ năng sống cơ bản.* Kết thúc khóa học, HS phải được trang bị một số kỹ năng sống cơ bản, như kỹ năng sống tập thể, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hòa nhập xã hội, kỹ năng tham gia công tác đoàn đội... Việc trang bị các kỹ năng sống sẽ giúp HS thích ứng nhanh với môi trường mới, tự tin để hòa nhập và học tập.

3.2.2. *Chuẩn bị cho HS tâm lý thích ứng với môi trường học tập mới.* Nhà trường phải giúp HS hiểu được mục tiêu học tập của mình khi theo học ĐH, CĐ là bước ngoặt quan trọng để chuẩn bị lập thân, lập nghiệp, qua đó, HS có thêm ý chí, động cơ và thái độ hào hứng, phấn khởi trong học tập. HS cần được chuẩn bị một tâm lý tốt nhất để thích nghi với môi trường học tập mới. Muốn có được tâm lý tốt nhất, HS phải được trang bị đầy đủ về kiến thức, kỹ năng, phương pháp, có kỹ năng sống cơ bản để sẵn sàng bước vào giai đoạn học tập tiếp theo.

4. Nhóm biện pháp 4: Điều tiết ảnh hưởng của bối cảnh đến việc QL HĐHT của HS

4.1. Hoàn thiện các văn bản pháp quy về BD DBĐHDT

4.1.1. *Điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong văn bản pháp quy về DBĐHDT.* Hiệu trưởng chỉ đạo cán bộ QL và GV nghiên cứu các văn bản quy định về BD DBĐHDT, trên cơ sở thực tế dạy học và những điểm mới của quy chế TS hằng năm, tìm ra những điểm bất cập, khó khăn của văn bản trong công tác dạy học và QL dạy học ở các trường DBĐHDT. Trao đổi, thảo luận về những điểm bất cập trong văn bản quy định. Trên cơ sở những điểm bất cập của các quy định, lấy ý kiến xây dựng cho từng nội dung cụ thể để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

4.1.2. *Đề xuất với Bộ GD-ĐT hoàn thiện các văn bản pháp quy về DBĐHDT.* Hiệu trưởng chỉ đạo việc tổng hợp các ý kiến điều chỉnh, bổ sung cho văn bản quy định về trường DBĐHDT, từ đó xây dựng công văn và đề xuất Bộ điều chỉnh, hoàn thiện văn bản pháp quy về DBĐHDT, tạo thuận lợi cho công tác BD DBĐHDT nói chung và hoạt động dạy học nói riêng.

4.2. Phối hợp chặt chẽ với các cơ sở giáo dục trong QL kết quả đầu ra

4.2.1. *Phối hợp với các cơ sở giáo dục trong công tác xét tuyển HS vào học ĐH, CĐ, TCCN.* Ngay từ học kì I, hiệu trưởng cần phối hợp với các cơ sở giáo dục để đăng kí chỉ tiêu xét phân bổ đầu ra cho HS, như gửi công văn xin chỉ tiêu xét phân bổ; trực tiếp đến các cơ sở giáo dục để trao đổi về chỉ tiêu đầu ra,

tranh thủ tìm sự ủng hộ của các trường về việc đồng ý tiếp nhận và tạo điều kiện cho HS trong công tác xét phân bổ đầu ra. Phối hợp với các cơ sở giáo dục để xây dựng được “Kế hoạch ĐT theo chuẩn đầu ra”, giúp cho chất lượng BD DBĐHDT tiệm cận với chuẩn đầu ra theo yêu cầu của các cơ sở giáo dục; phối hợp trong công tác gửi hồ sơ và tiếp nhận HS sau khi có kết quả xét phân bổ.

4.2.2. *Phối hợp với các cơ sở giáo dục QL thông tin về HS khi theo học ĐH, CĐ, TCCN.* Phối hợp với các cơ sở giáo dục để xây dựng được Kế hoạch QL thông tin đầu ra của HS DBĐHDT. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng, bởi vì nó tác động trực tiếp đến đầu ra của “sản phẩm ĐT”. Nhà trường cần khai thác hiệu quả hệ thống kết nối thông tin với tất cả các nguồn, kênh thông tin khác nhau, như cơ sở giáo dục, HS, người học đã tốt nghiệp, địa phương nơi sử dụng nguồn nhân lực, các yếu tố tác động của bối cảnh... để hình thành một bản kế hoạch tổng thể xuyên suốt và luôn đảm bảo quá trình kết nối thông tin được thông suốt, liên tục và thực sự hiệu quả. Cùng với việc đón nhận thông tin, nhà trường cần chuẩn bị các biểu mẫu, cách thức, phương tiện để tiếp nhận thông tin một cách thuận lợi, dễ dàng.

QL HĐHT của HS trường DBĐHDT là yêu cầu tất yếu và cần thiết trong giai đoạn hiện nay nhằm góp phần nâng cao chất lượng BD DBĐH tại các trường DBĐHDT, đáp ứng yêu cầu tạo nguồn ĐT cán bộ cho miền núi. Nếu áp dụng đồng bộ các nhóm biện pháp QL HĐHT của HS trường DBĐHDT theo tiếp cận CIPO như đã được đề xuất trên đây sẽ khắc phục được những hạn chế trong QL HĐHT, góp phần nâng cao chất lượng tạo nguồn ĐT cán bộ cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT. *Thông tư số 25/2010/TT-BGDĐT ngày 13/10/2010 về việc ban hành “Quy chế tuyển chọn, tổ chức bồi dưỡng và xét tuyển vào học trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp đối với học sinh hệ dự bị đại học”.*
- [2] Bộ GD-ĐT. *Thông tư số 48/2012/TT-BGDĐT ngày 11/12/2012 về việc ban hành “Đề cương chi tiết 11 môn học dự bị đại học”.*
- [3] Bộ GD-ĐT. *Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 06/5/2014 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học.*
- [4] Mai Công Khanh (2013). *Quản lý dạy học ở trường dự bị đại học dân tộc, quan điểm và giải pháp.* NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Phạm Hồng Quang (2013). *Tổ chức dạy học cho học sinh dân tộc miền núi.* NXB Đại học Sư phạm.